TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà *Vũ Thị Hồng Dung*.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và ông Trương Duy Cảnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà: Ông A Dáo– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng– Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1970. "Có mặt".
- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1966. "Vắng mặt".

Cùng hộ khẩu TT: Số N, đường B, tổ P, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Cùng nơi ở: Thôn G, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/1989 tại UBND xã Đ, thị xã K, tỉnh Kon Tum. Việc kết hôn của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thỉnh thoảng có lúc xô xát, ông Tuấn không chịu làm ăn, vô cớ kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà. Ngoài ra, ông T luôn bài bạc, rượu chè gây gổ chửi bới, xúc phạm bà. Ông T khai là không có mâu thuẫn, không đánh đập bà là không đúng. Mâu thuẫn trầm trọng vào 28/9/2022, ông T đánh bà sưng hết mồm miệng nên bà đã bỏ nhà đi từ đó đến nay, hiện tại ông, bà không còn chung sống với nhau. Khi được Tòa án hòa giải, ông T xin Tòa án cho thời gian để vợ chồng về suy nghĩ đoàn tụ, vợ chồng bà vẫn không chung sống với nhau, mỗi người một nơi, việc ai người ấy làm, bà đi là thuê nhà ở Đ, ông T có gọi điện, nhắn tin zalo chửi bà thậm tệ và đe dọa bà, bà đã cung cấp tin nhắn cho tòa

án. Mỗi lần về làm việc tại Tòa án bà rất sợ ông T đánh, vì ông T có đe bà là nếu về nhà ở thì ông đánh bà một người đi tù, một người tàn phế nên bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để bà ổn định cuộc sống riêng, chăm sóc con trai đang đau ốm, còn nếu chưa ly hôn ông T luôn đe dọa đánh bà, bà lo sợ cho tính mạng của bản thân; Về con chung vợ chồng sinh được 02 con chung, các con chung đều đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản, nợ nần: Bà không yêu cầu giải quyết; Về án phí DSST bà nhận chịu.

Tại bản khai ngày 19/10/2022, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn, việc kết hôn tự nguyện như bà H trình bày ở trên. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, chỉ nói qua lại nhưng đến tháng 9 năm 2022 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chuyện lặt vặt trong gia đình, vợ chồng có nói qua lại ông đã tát bà H một cái vào miệng, bà H bị xưng miệng lên và bỏ nhà đi từ đó đó đến nay, bà H ở đâu, làm gì ông không biết; bà H cũng không nói với ông, ông liên lạc với bà H nhưng bà H không trả lời máy. Nay bà H xin ly hôn với ông, ông không đồng ý, ông muốn bà H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ; Về con chung: Ông bà sinh được 02 con chung như bà H trình bày ở trên là đúng, ông không yêu cầu giải quyết về con chung; Về tài sản, nợ nần: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí dân sự bà H nhận chịu ông đồng ý.

Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện quyền nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H: Bà H được ly hôn với ông T. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí DSST (Án phí ly hôn) bà H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đình T đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt

không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình T.

[2] Về nội dung vụ án:

* ***Về Quan hệ hôn nhân***: Hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Đình T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà H và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chịu làm ăn, chửi bới, đánh đập bà H. Vợ, chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm cuối năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống; ông T còn đe doạ bà H, bà H sợ không dám về nhà (BL 26, 34, 36). Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T, ông T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà H, ông T không còn có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hôn nhân của bà H, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

* ***Về con chung*:** Các con chung của ông, bà đã đều đủ 18 tuổi và tự lập được, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* ***Về tài sản và nợ chung*:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị H đề ngày 03 tháng 10 năm 2022.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình T;

2. Về con chung: Các con chung của ông, bà đã đều đủ 18 tuổi và tự lập được, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã

nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001025 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02 tháng 02 năm 2023), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao;*
- *TAND Tỉnh Kon Tum;*
- *VKSND TP K;*
- *UBND xã Đ, TP K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung